

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 09 năm 2014

**TIÊU CHÍ VÀ THANG ĐIỂM ĐÁNH GIÁ, PHÂN LOẠI
THÍ SINH DỰ XÉT TUYỂN NGHIÊN CỨU SINH
TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẢNH SÁT NHÂN DÂN**

I. HỒ SƠ DỰ TUYỂN: (tối đa 65 điểm)	
1. Kết quả học tập ở trình độ đại học: (tối đa 8 điểm)	
- Thí sinh học đại học hệ chính quy và kết quả tốt nghiệp đạt loại xuất sắc, giỏi:	8 điểm
- Thí sinh học đại học hệ chính quy và kết quả tốt nghiệp đạt loại khá:	7 điểm
- Thí sinh học đại học hệ chính quy và kết quả tốt nghiệp đạt trung bình khá; học đại học hệ chuyên tu, vừa làm vừa học và kết quả tốt nghiệp loại khá:	6 điểm
- Thí sinh học đại học hệ chính quy và kết quả tốt nghiệp đạt trung bình; học đại học hệ chuyên tu, vừa làm vừa học và kết quả tốt nghiệp loại trung bình khá:	5 điểm
- Các thí sinh còn lại:	4 điểm
2. Kết quả học tập ở trình độ thạc sĩ: (tối đa 10 điểm)	
- Thí sinh có kết quả học tập trung bình chung toàn khóa đạt từ 8.0 trở lên và bảo vệ luận văn thạc sĩ đạt từ 9 điểm trở lên:	10 điểm
- Thí sinh có kết quả học tập trung bình chung toàn khóa đạt từ 7.0 đến cận 8.0 và bảo vệ luận văn thạc sĩ đạt từ 9 điểm trở lên:	8 điểm
- Các thí sinh còn lại: 06 điểm.	6 điểm
3. Thành tích nghiên cứu khoa học của thí sinh: (tối đa 17 điểm)	
- Chủ nhiệm đề tài cấp Bộ và nghiệm thu đạt yêu cầu trở lên (chỉ tính những đề tài thuộc lĩnh vực tội phạm học và phòng ngừa tội phạm):	5 điểm
- Chủ nhiệm đề tài cấp cơ sở và nghiệm thu đạt yêu cầu trở lên (chỉ tính những đề tài thuộc lĩnh vực tội phạm học và phòng ngừa tội phạm):	3 điểm
- Thí sinh có bài báo đăng trên các tạp chí khoa học phù hợp với lĩnh vực nghiên cứu của đề tài (mỗi bài được tính 1 điểm):	Tối đa 5 điểm
- Thí sinh có thành tích NCKH trong các lĩnh vực khác: + Chủ nhiệm đề tài cấp bộ, cấp cơ sở, chủ biên biên soạn giáo trình, tài liệu dạy học (mỗi công trình được tính 1 điểm): + Có bài báo đăng trên tạp chí khoa học ở các lĩnh vực khác (mỗi bài được tính 0,5 điểm): + Tham gia đề tài cấp bộ, cấp cơ sở, tham gia biên soạn giáo trình, tài	Tối đa 4 điểm

liệu dạy học (mỗi công trình được tính 0,5 điểm):	
4. Kinh nghiệm hoạt động chuyên môn của thí sinh: (tối đa 10 điểm)	
- Có từ 15 năm trở lên làm công tác giảng dạy, quản lý giáo dục, tham mưu, hoặc trực tiếp công tác trong lĩnh vực phòng ngừa, điều tra tội phạm:	10 điểm
- Có từ 10 năm đến 15 năm làm công tác giảng dạy, quản lý giáo dục, tham mưu, hoặc trực tiếp công tác trong lĩnh vực phòng ngừa, điều tra tội phạm:	7 điểm
- Có dưới 10 năm làm công tác giảng dạy, quản lý giáo dục, tham mưu, hoặc trực tiếp công tác trong lĩnh vực phòng ngừa, điều tra tội phạm:	5 điểm
5. Chất lượng bài luận về dự định nghiên cứu và đề cương nghiên cứu luận án: (tối đa 15 điểm)	
- Sự rõ ràng, mang tính cấp thiết cả về lý luận và thực tiễn của tên đề tài dự định nghiên cứu:	Tối đa 3 điểm
- Triển vọng ứng dụng kết quả nghiên cứu của đề tài dự định nghiên cứu:	Tối đa 3 điểm
- Sự rõ ràng và thuyết phục về mục tiêu và mong muốn đạt được khi đăng ký dự tuyển nghiên cứu sinh của thí sinh:	Tối đa 3 điểm
- Mức độ cụ thể, hợp lý và khả thi của kế hoạch thực hiện luận án trong từng thời kỳ đào tạo của thí sinh:	Tối đa 2 điểm
- Những chuẩn bị của thí sinh cho việc thực hiện đề tài luận án:	Tối đa 2 điểm
- Bài luận đảm bảo về hình thức và nội dung theo yêu cầu, tính logic và khoa học của đề cương nghiên cứu đề tài luận án:	Tối đa 2 điểm
6. Ý kiến nhận xét đánh giá và ủng hộ thí sinh trong hai thư giới thiệu: (tối đa 5 điểm)	
- Thư giới thiệu nhận xét, đánh giá về năng lực và phẩm chất của người dự tuyển đầy đủ các nội dung theo yêu cầu:	Tối đa 2 điểm
- Chỉ rõ những nét tích cực của thí sinh, đánh giá thí sinh đảm bảo trình độ để hoàn thành chương trình đào tạo tiến sĩ, thể hiện mức độ ủng hộ cao đối với thí sinh:	Tối đa 3 điểm
II. PHẦN TRÌNH BÀY CỦA THÍ SINH VỀ VẤN ĐỀ DỰ ĐỊNH NGHIÊN CỨU VÀ KẾ HOẠCH THỰC HIỆN: (tối đa 10 điểm)	
Căn cứ vào sự trình bày về vấn đề dự định nghiên cứu, trong đó tập trung chú ý về kiến thức chuyên ngành, năng lực chuyên môn, tính cách, khả năng hoàn thành luận án tiến sĩ của thí sinh, trên cơ sở đó đánh giá sự trình bày của thí sinh ở các mức độ tốt, khá, đạt yêu cầu và cho điểm như sau:	
- Loại tốt:	tối đa 10 điểm
- Loại khá:	tối đa 7 điểm

- Đạt yêu cầu:	tối đa 5 điểm
III. KẾT QUẢ TRẢ LỜI CÂU HỎI PHÒNG VẤN CỦA TIỂU BAN CHUYÊN MÔN: (tối đa 25 điểm)	
Căn cứ vào sự trả lời câu hỏi của thí sinh, Tiểu ban chuyên môn cần tập trung đánh giá về các vấn đề sau:	
- Sự chính xác, rõ ràng trong trả lời các câu hỏi phỏng vấn của thí sinh, thể hiện thí sinh có kiến thức chuyên ngành vững chắc, hiểu biết các lĩnh vực có liên quan, đủ khả năng, trình độ để học chương trình đào tạo tiến sĩ:	tối đa 10 điểm
- Sự thuyết phục về những chuẩn bị của thí sinh (tri thức, kinh nghiệm, tinh thần học hỏi, nguồn tư liệu đã chuẩn bị...) cho việc thực hiện đề tài luận án tiến sĩ:	tối đa 5 điểm
- Thể hiện mục đích nghiêm túc trong việc theo học chương trình đào tạo tiến sĩ của thí sinh:	tối đa 5 điểm
- Chú ý những tư chất cần có khác của một nghiên cứu sinh như sự chín chắn, có trách nhiệm, sự sáng tạo, khả năng xử lý tình huống...:	tối đa 5 điểm
IV. XẾP LOẠI	
Thành viên tiểu ban xét tuyển nghiên cứu sinh xem xét đánh giá khách quan, chi tiết hồ sơ dự tuyển, bài luận về dự định nghiên cứu và việc trình bày, trao đổi xung quanh dự định nghiên cứu của thí sinh, xếp loại các thí sinh dự tuyển theo mức độ xuất sắc, khá, trung bình hoặc không tuyển, trong đó:	
- Loại xuất sắc: thí sinh có điểm trung bình chung xét tuyển từ 85 đến 100 điểm.	
- Loại khá: thí sinh có điểm trung bình chung xét tuyển từ 60 đến dưới 85 điểm.	
- Loại trung bình: thí sinh có điểm trung bình chung xét tuyển từ 50 đến dưới 60 điểm.	
- Không tuyển: thí sinh có điểm trung bình chung xét tuyển dưới 50 điểm.	

HIỆU TRƯỞNG

Thiếu tướng, PGS, TS Trịnh Văn Thanh